

Bản án số: 140/2017/DS-PT
Ngày 17-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;
2. Bà Đặng Thị Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 58/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1982; cư trú tại: Số H1, đường H2, khu phố H3, Phường H4, thành phố H5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; cư trú tại: Số P1, đường H2, khu phố H3, Phường H4, thành phố H5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
2. Ông Trịnh Thành N, sinh năm 1960; cùng địa chỉ cư trú với bà P; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988; cư trú tại: Số T1, khu phố T2, phường T3, thành phố H5, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Hương G, sinh năm 1973; cư trú tại: G1, hẻm G2, đường G3, khu phố G5, Phường G5, thành phố H5, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị P, ông Trịnh Thành N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-11-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Trương Thị Mỹ H trình bày:

Giữa bà và bà Nguyễn Thị P có mối quan hệ quen biết do ở gần nhà nhau. Bà có cho bà P vay tiền nhiều lần, các lần vay đều viết giấy nợ và đã thanh toán xong, còn lại hai khoản nợ ngày 05-5-2014 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 06-8-2014 số tiền 100.000.000 đồng thì chưa thanh toán. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả cuối năm 2014. Bà P vay tiền để chăm sóc vườn cao su. Đến hạn bà P không trả tiền như đã thỏa thuận, bà có đến nhà bà P đòi nhiều lần, chồng bà P là ông Trịnh Thành N cũng biết và hẹn đến khi thu hoạch cao su sẽ trả nhưng từ đó đến nay vợ chồng bà P, ông N không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà P, ông N trả số tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Tại bản tự khai ngày 14-02-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án - bị đơn bà Nguyễn Thị P và người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà P có vay tiền của bà H nhiều lần và đã trả xong. Trong năm 2014, bà vay của bà H 03 lần tổng số tiền là 500.000.000 đồng, số tiền này bà vay dùm cho bà Nguyễn Hương G. Sau đó, bà đã trả cho bà H 300.000.000 đồng, bà trực tiếp giao trả tiền cho bà H có sự chứng kiến của bà G, còn lại 200.000.000 đồng bà đã thỏa thuận với bà H bàn giao nghĩa vụ trả nợ sang cho bà G vào ngày 30-7-2016, có làm giấy bàn giao nợ giữa bà, bà H và bà G. Bà H cũng đã khởi kiện bà G để đòi số tiền này. Nay bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu yêu khởi kiện của bà H. Chồng bà là ông Trịnh Thành N hoàn toàn không biết gì về việc vay tiền giữa bà với bà H.

Tại bản tự khai ngày 03-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án - bị đơn ông Trịnh Thành N trình bày:

Việc bà H khởi kiện bà P về số tiền vay 200.000.000 đồng ông hoàn toàn không biết và không liên quan đến bất cứ giao dịch nào giữa bà H và bà P. Ông không có nghĩa vụ gì liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà H và bà P, hiện ông và bà P đang sống ly thân mỗi người có một việc làm riêng nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại bản tự khai ngày 16-3-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Hương G trình bày:

Vào năm 2015, bà và bà P, bà H có vay tiền qua lại với nhau, bà có vay tiền của bà H số tiền 500.000.000 đồng để làm ăn và đến năm 2016 giữa ba người có thỏa thuận: Bà P chuyển giao cho bà nghĩa vụ trả nợ cho bà H với số tiền 200.000.000 đồng, bà còn nợ bà H 300.000.000 đồng; bà đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với bà H và bà P đối với số tiền trên. Khoản nợ bà H khởi kiện đòi bà P 200.000.000 đồng bà hoàn toàn không biết và không liên quan đến.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 58/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số: 16/2017/QĐ-SCBSBA ngày 19-5-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 256; Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ H đối với bà Nguyễn Thị P và ông Trịnh Thành N, trả số tiền 200.000.000 đồng vốn gốc.

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Trịnh Thành N có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Mỹ H số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17-5-2016, ông Trịnh Thành N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông cùng bà P trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng là không đúng vì ông hoàn toàn không biết và không liên quan đến việc vay tiền giữa bà P và bà H.

Ngày 18-5-2017, bị đơn bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm với lý do: Năm 2014, bà vay tiền và có viết giấy nợ cho bà H, do tin tưởng nên khi trả tiền bà không thu hồi giấy nợ, nhưng khi bàn giao nợ cho bà G, bà đã ghi tổng số tiền còn nợ bà H là 300.000.000 đồng, tất cả cùng thống nhất ký tên vào ngày 30-7-2016, nay bà H dùng các giấy nợ trước đây để khởi kiện và được cấp sơ thẩm chấp nhận là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà P, ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Xét kháng cáo của bà P:

[1] Tại cấp phúc thẩm, bà H và bà P đều thừa nhận: Năm 2014, bà H cho bà P vay tổng số tiền 500 triệu đồng, không nhớ rõ cho vay mấy lần và viết thành bao nhiêu giấy nợ và ngày tháng năm viết giấy nợ.

Bà H cho rằng theo thỏa thuận, khi bà P trả tiền hai bên không viết biên nhận mà bà H trả lại giấy nợ gốc cho bà P; số tiền 200.000.000 đồng bà P chưa trả tiền

nên giấy nợ bà còn giữ. Tuy nhiên, bà H thừa nhận khi thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của bà P cho bà G số tiền 200.000.000 đồng, bà H chưa trả lại cho bà P 02 giấy nợ của số tiền này. Ngày 30-8-2016, bà P trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng, bà H cũng không trả lại giấy nợ của số tiền vay này cho bà P. Bà H cho rằng giữa bà H, bà P và bà G có thỏa thuận khi nào bà G trả tiền thì bà mới trả giấy nợ cho bà P, vấn đề này bà P không thừa nhận, bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh các bên có thỏa thuận về nội dung trên. Mặt khác, chính bà H cũng không xác định được số tiền bà P đã trả là của khoản vay ngày tháng năm nào.

Tại “Giấy bàn giao nợ” ngày 30-7-2016 thể hiện nội dung (bút lục 52): *“Năm 2014 tôi có mượn tổng số tiền của em Trương Thị Mỹ H số tiền là 300.000.000 đồng để đưa cho em G mượn lại số tiền nói trên....”*, nội dung này phù hợp với lời khai của bà P, tại thời điểm chuyển giao nghĩa vụ trả nợ, bà chỉ còn nợ bà H số tiền 300.000.000 đồng, chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Hương G 200.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng bà đã trả xong vào ngày 30/8/2016, đồng thời, phù hợp với lời khai của bà H tại biên bản đối chất ngày 06-7-2017 (bút lục 143): *“Lúc chị P vay tiền tôi không biết chị P vay từ chị G nhưng sau đó chị P nói với tôi là vay từ chị G 200 triệu đồng. Chị P đề xuất bàn giao nợ của chị P sang cho chị G...”*.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định vẫn chưa giao lại “giấy bàn giao nợ” bản gốc cho ai. Ngoài ra, bà P có cung cấp bản ghi âm cuộc điện thoại giữa bà và bà Nguyễn Hương G, trong đó có thể hiện nội dung bà G xác nhận bà H dùng giấy nợ cũ khởi kiện bà P đòi số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này bà H đã khởi kiện bà G nên việc bà H kiện đòi số tiền này đối với bà P là đòi hai lần. Bà P có yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chứng cứ trên, Tòa án triệu đã tổng đạt giấy triệu tập nhưng bà G không đến nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét đối với chứng cứ này. Tuy nhiên, căn cứ vào những chứng cứ và những phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định bà P không còn nợ bà H số tiền 200.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ trong vụ án.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là không có cơ sở chấp nhận; có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, sửa án sơ thẩm. Do kháng cáo của bà P được chấp nhận nên kháng cáo của ông N cũng được chấp nhận.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và áp dụng Điều 471, 474 để giải quyết vụ án là đúng nhưng lại áp dụng thêm Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về đòi tài sản là thừa, cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho đúng.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; kháng cáo của bà P, ông N được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Trịnh Thành N.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ H đối với ông bà Nguyễn Thị P, ông Trịnh Thành N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền 200.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 5.000.000 đồng tại Biên lai số 0003448 ngày 22-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, bà H còn phải nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà P, ông N không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà P, ông N tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại các Biên lai số 0004129 và 0004130 ngày 18-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Mai

